

Ảnh sáng

MILOS EH LOW SB

MILOSEH

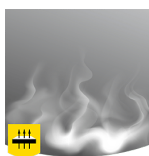
Hu#n luy#n viên không có kim lo#i v#a v#n v#i các y#u t# ph#n chi#u trong phiên b#n EH

Light like space, strong like a rock. Our lightweight MILOS S1P safety shoes are completely metal free, with a puncture-resistant midsole and a composite wide-fitting toe cap. They feature EH protection, a slip-resistant rubber outsole, and breathable upper. With reflective elements and suitable for light applications in dry environments.

Những vật liệu cao cấp hơn	Dệt may
lớp lót bên trong	Lưới thép
giường đỡ chân	đế xốp SJ
đế giữa	Dệt may
đế ngoài	Philon/cao su
Đứng đầu	tổng hợp
Loại	SB / Tái bút, SR, e, FO, nhân sự
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
tiêu chuẩn hóa	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022



BLK



hàng đ#u thoáng khí

Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ để mang lại cảm giác thoải mái khi mặc lâu hơn.



Nguy hi#m v# đi#n (EH)

Giày an toàn có khả năng chống lại các mối nguy hiểm về điện (EH) có đế ngoài không dẫn điện. Là nguồn bảo vệ thứ cấp, chúng làm giảm nguy cơ bị điện giật trong điều kiện khô ráo.



h#p th# gót chân

Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân làm giảm tác động của việc nhảy hoặc chạy lên cơ thể người mang.



gi#ng có th# tháo r#i

Làm mới đế của bạn thường xuyên hoặc sử dụng đế chính hình của riêng bạn để thoải mái hơn.



Tr#ng l#ng nh# ch#ng đ#m th#ng

Đế giữa không có kim loại, siêu linh hoạt và siêu nhẹ chống đ#m th#ng. Bao phủ 100% bề mặt đáy của đế giữa này, không dẫn nhiệt.

Công nghiệp:

Biên tập, lĩnh vực ô tô, phục vụ ăn uống, Ngành công nghiệp, hậu cần

Môi trường:

môi trường khô, Bề mặt cực mịn, bề mặt ẩm áp

Các tính năng dẫn ba số:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

S# miêu tả	Đơn vị đo lường	Kết quả	EN ISO 20345
Nhúng vệt liêu cao	Dệt may		
Cấp độ			
Top: khả năng thấm hơi nước	mg/cm/giờ	1.2	? 0.8
Top: hệ số hơi nước	mg/cm ²	21	? 15
Lớp lót bên trong	Lớp lót thép		
Lớp lót: thấm hơi nước	mg/cm/giờ	34.59	? 2
Lót: hệ số hơi nước	mg/cm ²	277	? 20
Chỉ số chống trượt	Chỉ số chống trượt		
Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
Chỉ số ngoài	Philon/cao su		
Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích)	mm	Relative volume loss: 140mm ³ (Density:1.21)	? 150
Chống trượt cơ bản - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía trước	ma sát	0.48	? 0.31
Chống trơn trượt cơ bản - Gôm + NaLS - Trượt lùi về phía trước	ma sát	0.48	? 0.36
Chống trơn trượt SR - Gôm + Glycerin - Trượt gót phía trước	ma sát	0.36	? 0.19
Chống trượt SR - Gôm + Glycerin - Trượt ngược về phía trước	ma sát	0.36	? 0.22
Giá trị chống tĩnh điện	megaohm	N/A	0.1 - 1000
Giá trị ESD	megaohm	N/A	0.1 - 100
Hấp thụ năng lượng của gót chân	J	25	? 20
Chỉ số độ bền	Chỉ số độ bền		
Nắp mũi chống va đập (độ hồ sau khi va chạm 100J)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống va đập (độ hồ sau khi va chạm 200J)	mm	15.5	? 14
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN)	mm	22.0	? 14

kích thước thép:

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.